TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 15)

ISSN: 2734-9195 08:30 24/04/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 15.

1. Phẩm Thập Địa

Tại sao gọi là Phẩm Thập Địa?

Vì địa hay sinh trưởng vạn vật, tất cả vạn vật cũng nương theo đất mà sinh, nương theo đất mà lớn, nương theo đất mà thành, nương theo đất mà trụ, nương theo đất mà được giải thoát. Trong đất lại có đủ thứ bảo tàng, đủ thứ vật chất quý trọng, cho nên con người mới phát quật mỏ vàng, mỏ đá quý, mỏ bạc, mỏ đồng, mỏ thiết .v.v... các thứ khoáng sản từ dưới đất.

Trong Phẩm Thập Địa cũng có tất cả các nơi sinh trưởng của Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, cõi trời, nhân gian, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Mười pháp giới, mỗi giới ở dưới đất đều có đủ vạn pháp, chỉ là con người không biết đi phát quật, nếu biết đi phát quật, thì sẽ đắc được đủ thứ thành quả. Cho nên nói tất cả vạn vật do đất mà sinh, do đất mà lớn lên, do đất mà thành thục, do đất mà an trụ, do đất mà được giải thoát. Pháp môn Thập địa bao quát tất cả pháp môn, đều có quan hệ mật thiết với tất cả pháp môn. Nếu như chúng ta muốn tu hành Bồ Tát đạo, thì phải do đất mà sinh khởi Bồ Tát đạo. Nếu như chúng ta muốn tăng trưởng Bồ Tát đạo, thì phải nhờ pháp môn Thập địa để tăng trưởng. Nếu như chúng ta muốn thành thục Bồ Tát đạo, cũng phải nhờ pháp môn Thập địa để thành thục. Nếu như chúng ta muốn đắc được giải thoát Bồ Tát đạo, thì càng phải nương vào pháp môn Thập địa để tu hành, mới đắc được giải thoát của Bồ Tát đạo. Pháp môn Thập địa nầy là phẩm thứ hai mươi sáu trong Kinh Hoa Nghiêm, hiện tại giảng phần thứ nhất của Phẩm Thập Địa thứ hai mươi sáu gọi là Hoan Hỉ Địa.

Thị hiện vào sinh tử: Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, Ngài thì sinh tử tự do, Ngài thì sinh tử tức Niết Bàn, phiền não tức bồ đề. Ngài đều thị hiện tất cả: thị hiện đủ thứ sinh, thị hiện đủ thứ tử, thị hiện các loài chúng sinh, thị hiện thân thể các loài hữu tình, trên là chư thiên, con người, A tu la, dưới đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trong mỗi đường Bồ Tát đều thị hiện sinh tử. Thị hiện đủ thứ sinh, để độ đủ thứ chúng sinh, khiến cho họ phát tâm bồ đề. Thị hiện đủ thứ tử, khiến cho tất cả chúng sinh minh bạch thống khổ của sự chết, cho nên Bồ Tát mới thị hiện vào cảnh giới sinh tử. Và dùng Niết Bàn: Bồ Tát thị hiện sinh như thế nào, các thứ thống khổ của sự chết như thế nào, dùng để giáo hoá chúng sinh. Sau đó lại thị hiện tu khổ hạnh, khiến cho chúng sinh biết biến hoá sinh tử như thế nào vào nơi Niết Bàn. Mà không xả bỏ tu Bồ Tát hạnh: Bồ Tát Ngài ở trong mỗi loài chúng sinh hành Bồ Tát đạo, mà không bao giờ xả bỏ sự tu hành Bồ Tát đạo của Ngài. Không màng ở trong loài chúng sinh nào, Ngài đều hành Bồ Tát đạo để lợi ích tất cả chúng sinh. Khiến cho tất cả chúng sinh phát tâm đại bồ đề. Khéo vào tất cả thiền định giải thoát tam muội của Bồ Tát: Ngài khéo chứng được thiền định, giải thoát, chính định chính thọ, Tam ma bạt đề, sự tu hành của Bồ Tát. Thần thông minh trí: minh bạch tất cả trí tuệ và diệu dụng của ba minh sáu thông.

Ba minh là: Thiên nhãn minh, thiên nhĩ minh, túc mạng minh, hoặc là lậu tận minh.

Sáu thông: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông và lậu tâm minh.

Các sự bố thí đều đắc được tự tại: tất cả hành vi của Bồ Tát đều nhậm vận tự tại, đắc được thần lực tự tại của Bồ Tát, Ngài thị hiện sinh tử, Niết Bàn, và thị hiện tu Bồ Tát đạo, luôn luôn đều đắc được tất cả hết thảy nhậm vận tự tại thần thông diệu dụng của Bồ Tát. Trong khoảng một niệm, không có động tác: Tức là trong khoảng một tâm niệm, không cần có sự động tác. Như bạn thấy Ngài đang đi, kỳ thật Ngài đang ở khắp cùng mười phương. Như bạn thấy Ngài đang ăn cơm, mà thần thông của Ngài đã vào tất cả đạo tràng của Như Lai. Như bạn thấy Ngài đang ngủ, mà Ngài đã hoá thân đến các cõi nước chư Phật khác. Như bạn thấy Ngài đang ngồi đó, không làm việc gì cả, nhưng Ngài đã hoá thân đến vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật giáo hoá chúng sinh. Cho nên tất cả biểu hiện của Bồ Tát, tuyệt đối không phải sự tuỳ tiện định luận của chúng ta. Ngàn vạn đừng dùng nhãn quang của phàm phu nhận định sai lầm về Bồ Tát, Bồ Tát không tuỳ tiện mạo muội nhận trách nhiệm của mình. Đều đi đến tất cả đạo tràng chúng hội của Như Lai, Ngài tuỳ thời tuỳ lúc, có thể đi đến hầu cận mười phương chư Phật, lễ bái mười phương chư Phật, cúng dường mười phương chư Phật. Tuỳ thời Ngài đều quán sát chúng sinh mười phương, như có tai nạn

gì, cần người cứu tế trợ giúp, thì Ngài sẽ hoá thân đến cứu, hoá độ. Cho nên Bồ Tát hay đi đến tất cả đạo tràng chúng hội của Như Lai, mà làm thượng thụ, làm lãnh tụ đại chúng trong tất cả pháp hội. Thỉnh chư Phật thuyết pháp, Phật thuyết pháp cần có người đến thỉnh pháp, nếu không thỉnh, thì Phật không nói pháp. Người thỉnh pháp, đi nhiễu bên phải ba vòng, Phật mới nói pháp, tức là chuyển bánh xe pháp. Hộ trì chư Phật, Bồ Tát đến khắp nơi hộ trì chúng hội đạo tràng của chư Phật. Bánh xe chính pháp, chuyển bánh xe chính pháp, đây chẳng phải là việc bình thường, khi ở đâu chuyển bánh xe chính pháp, thì đều kinh thiên động địa, hộ pháp chư Thiên và các đại Bồ Tát đều hộ trì và nghe pháp.

Không chỉ con người cần chư Phật hộ trì, mà chư Phật cũng cần các Bồ Tát hộ trì. Dùng tâm rộng lớn, cúng dường thừa sự tất cả chư Phật: Bồ Tát dùng chân tâm rộng lớn, để cúng dường chư Phật, theo lời dạy của chư Phật, đi hoá độ chúng sinh. Thường siêng tu tập tất cả hết thảy sự nghiệp của Bồ Tát: luôn không đoạn tuyệt tu tập sự nghiệp của Bồ Tát làm. Thân Ngài hiện khắp tất cả thế gian: thân của Ngài hiện khắp cùng mười phương tất cả thế giới. Âm thanh của Ngài khắp cùng mười phương pháp giới: những vị Bồ Tát đó, không những thân của Ngài hiện khắp mười phương thế giới, mà âm thanh của các Ngài, đồng thời cũng vang đến khắp cùng mười phương pháp giới. Tâm trí vô ngại: tâm và trí tuệ của các Ngài cũng đã đạt đến sự viên dung vô ngại. Thấy khắp hết thảy công đức của tất cả Bồ Tát ba đời, các Ngài đều thấy khắp cùng đến ba đời, đời quá khứ, vị lai, hiện tại, hết thảy công đức của tất cả Bồ Tát. Đều đã tu hành được viên mãn: hết thảy công đức của tất cả Bồ Tát có đủ, các Ngài cũng đều tu hành viên mãn. Trong bất khả thuyết kiếp, nói không hết được: công đức của các vị Bồ Tát đó tu hành, thần thông diệu dụng, ở trong vô lượng kiếp thời gian lâu dài, nói không hết được.

Các vị đại Bồ Tát ở trong pháp hội nầy, danh hiệu của các Ngài đều dùng công đức tu hành chứng được, mà làm danh hiệu. Cho nên miệng chúng ta tụng danh hiệu Bồ Tát, trong tâm suy ngẫm thì sẽ hiểu rõ Thánh hiệu của Bồ Tát đó, nghĩa là đại biểu đức hạnh của Ngài. Bồ Tát ở trong hội nhiều vô số, không thể tính đếm được, vô lượng, bất khả xưng, vô biên, không thể nghĩ tưởng, vô đẳng, nói cũng nói không hết được chúng đại Bồ Tát tụ hội. Bồ Tát Kim Cang Tạng làm thượng thủ trong chúng đại Bồ Tát đó tức là lãnh tụ trong chúng đại Bồ Tát.

Vì rộng biết các pháp: Phật pháp chẳng phải tri thức của thế gian dùng tục tuệ mà có thể hiểu được, phải vào sâu tạng Kinh, thì mới mong được trí tuệ như biển. Phật pháp như biển cả, không có đại trí đại tuệ, làm sao có thể rộng nói các pháp. Chỉ mình biết tất cả các pháp, không thể cho rằng biết chân thật, vì còn phải khéo hay nói pháp: nói pháp cũng chẳng phải là chuyện đơn giản, phải

khéo sử dụng tất cả phương pháp phương tiện khéo léo, tuyên nói các pháp. Vì không phân biệt trí thanh tịnh: ở trong trí tuệ còn phải đừng có sự phân biệt, mới thấu hiểu tất cả diệu pháp thanh tịnh. Thanh tịnh thì sinh ra trí tuệ. Trí phân ra bốn tên gọi là: thành sở tác trí, diệu quán sát trí, bình đẳng tính trí, đại viên cảnh trí. Vì tất cả pháp thế gian không nhiễm: tất cả pháp thế gian chỉ cần chuyển qua lại, tức là pháp thanh tịnh không nhiễm. Biện pháp chuyển qua lại là cải ác hướng thiện. Pháp thế gian thì nhiễm ô, pháp xuất thế thì không nhiễm ô, thanh tịnh. Vì căn lành xuất thế thanh tịnh: hiểu được pháp xuất thế, thì tu căn lành xuất thế, sẽ đắc được pháp thanh tịnh. Vì được cảnh giới trí không nghĩ bàn: đắc được cảnh giới trí tuệ không thể nghĩ bàn. Vì được nhất thiết trí vào cảnh giới trí: bậc nhất thiết trí là chỉ đức Phật. Đắc được trí tuệ của chư Phật, mới vào được cảnh giới trí tuệ. Vì thuỷ chung khiến cho được Thập địa của Bồ Tát: lại khiến cho đắc được Thập địa Bồ Tát, quá trình tu hành từ sơ địa đến Thập địa.

Sơ địa là bắt đầu, địa thứ mười là chấm dứt. Từ sơ địa đến Thập địa, trải qua đủ thứ sự tu trì khác nhau, đều phải minh bạch, phải chứng đắc. Người tu đạo thì sơ địa chẳng biết cảnh giới của nhị địa, thập địa chẳng biết cảnh giới của bậc Đẳng Giác. Cảnh giới của mỗi người đều khác nhau. Công phu, pháp môn của người tu đạo cũng đều khác nhau. Vì nói như thật tướng Thập địa khác biệt của Bồ Tát: giải nói chân thật sự khác biệt về tướng trạng Thập địa của Bồ Tát tu chứng được. Do pháp môn tu hành khác nhau, nên cảnh giới đắc được cũng khác, tướng trạng tu chứng tự nhiên có sự khác biệt.

Bồ Tát Kim Cang Tạng biết, thấu hiểu, cho nên hy vọng Ngài giải nói như thật về sự khác biệt nầy. Vì duyên niệm tất cả Phật pháp: duyên niệm tức là suy niệm thuận theo Phật pháp mà chư Phật đã nói. Lại có thể nói một cách chuyên nhất, chuyên nhất chí niệm pháp của chư Phật nói. Vì tu tập phân biệt pháp vô lậu: tu tức là tu hành; tập tức là học tập. Tu hành cũng phải học tập, mới có thể minh bạch thế nào là pháp hữu lậu? Thế nào là pháp vô lậu? Trong pháp hữu lậu có bao nhiêu thứ pháp hữu lậu, trong pháp vô lậu lại có bao nhiêu thứ pháp vô lậu. Một bên tu hành, một bên học tập, một bên nghiên cứu. Cố gắng nghiên cứu, phân biệt rõ ràng, thì mới minh bạch thế nào là pháp vô lậu. Khéo lựa chọn quán sát đại trí quang minh thiện xảo trang nghiêm: khéo lựa chọn tức là khéo dùng mắt chọn pháp, dùng đại trí tuệ để quán sát các pháp.

Có đại trí tuệ thì giống như đại quang minh. Có trí tuệ quang minh, thì mới khéo léo trang nghiêm các cõi nước chư Phật. Khéo vào quyết định trí môn: khéo vào nơi quyết định môn nhất thiết trí tuệ. Phân biệt tất cả rất thuần tịnh, không có sự hoài nghi. Vì tuỳ theo chỗ trụ xứ thứ tự hiển nói không sợ hãi: Bồ Tát tuỳ chỗ của Ngài, có thứ tự, lớp lang, rất hiển rõ, tuyên nói chính pháp, mà tơ hào không

sợ hãi. Vì được vô ngại biện tài quang minh: đắc được đại trí tuệ biện tài vô ngại. Vì trụ bậc đại biện tài khéo quyết định: trụ nơi quả vị có đại biện tài, hay khéo léo diệu dụng quyết định các pháp. Vì nghĩ nhớ Bồ Tát tâm không quên mất: luôn luôn nghĩ nhớ công đức của chư Phật Bồ Tát, tâm không quên mất. Vì thành thục tất cả cõi chúng sinh: nghĩa là khiến cho tất cả chúng sinh, người chưa trồng căn lành thì trồng xuống; đã trồng rồi thì khiến cho tăng trưởng; đã tăng trưởng thì khiến cho thành thục; đã thành thục thì khiến cho được giải thoát, đó là ý nghĩa thành thục tất cả cõi chúng sinh. Vì đến khắp tất cả mọi nơi quyết định khai ngộ: hay đến khắp cõi nước, tất cả đạo tràng chúng hội của tất cả chư Phật mười phương ba đời. Quyết định khai ngộ là nói đắc được đại trí tuệ, đại biện tài, đại thọ mạng, đại an lạc. Khai ngộ tất cả các pháp, chứng được thật tướng tất cả các pháp.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

2. Giải nghĩa "Thập địa"

Thế nào gọi là Thập địa?

Tên gọi Thập địa là:

1. Hoan hỉ địa: Khi Bồ Tát tu đến địa nầy, thì rất hoan hỉ.

2. Ly cấu địa: Khi Bồ Tát tu đến địa thứ hai, thì tất cả mọi sự trần cấu, vọng tưởng, kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc, đều đoạn sạch.

3. Phát quang địa: Vì tất cả trần lao vọng tưởng không còn nữa, thì hiện ra trí tuệ quang minh vốn có, cho nên gọi là phát quang địa.

4. Diệm tuệ địa: Đến địa nầy, thì không những phát quang, mà còn phát ra lửa sáng, hoả diệm trí tuệ.

5. Nan thắng địa: Tu hành chẳng dễ gì tu đến địa vị nầy, vì không dễ gì đạt đến, cho nên gọi là nan thắng địa.

6. Hiện tiền địa: Tất cả trí tuệ đều hiện tiền.

7. Viễn hành địa: Khi Bồ Tát tu đến địa vị nầy, có thể bay đi biến hoá, hành động tự như.

8. Bất động địa: Tức là thần thông không động đạo tràng, mà du khắp mười phương.

9. Thiện tuệ địa: Bồ Tát tu được thần thông biến hoá tự như, du khắp mười phương, liền đắc được Bát nhã trí tuệ thù thắng.

10. Pháp vân địa: Công đức của Bồ Tát tu hành giống như mây che hộ khắp tất cả chúng sinh.

Đức Phật giống như người chỉ ra con đường lớn. Đại đạo tức là con đường của bậc Thánh. Chỗ vi diệu của Ngài không thể tưởng tượng được. Khi bạn đã lìa niệm rồi, còn phải tiến thêm một bước nữa, ý niệm lìa niệm cũng phải xả bỏ. Nếu bạn muốn dùng âm thanh, sắc tướng, cầu thấy Phật, dùng thanh sắc cầu thấy pháp, thấy sắc cầu thanh, như vậy không thể nào minh bạch pháp môn Thập địa nầy. Pháp môn Thập địa, tức là Phật tính của chúng ta vốn có, trí tuệ vốn có, bản tính quang minh tạng vốn có. Bản tính đó không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm, luôn luôn thanh tịnh, vì thường thanh tịnh, cho nên luôn luôn vắng lặng không động. Bỏ một phần nhiễm ô, tăng thêm một phần thanh tịnh. Nhiễm ô và thanh tịnh là pháp đối đãi. Tăng thêm thanh tịnh tức là tăng thêm trí tuệ; tăng thêm nhiễm ô, tức là tăng thêm ngu si. Có trí tuệ thì dần dần thăng đi lên, ngu si thì càng ngày càng đoạ lạc. Cổ Thánh nhân có nói: "Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt", tức là ý nghĩa nầy. Mục đích chúng ta tu hành là vì khai mở trí tuệ, diệt ngu si. Pháp thế gian không thanh tịnh nhất, nhiễm ô nhất là nam tham hoan, nữ tham ái, đều do đây mà ràng buộc không thể vượt thoát được, nguyên nhân của nó là không thể học Thánh nhân chuyển nhiễm ô thành thanh tịnh. Phàm là lìa khỏi nhiễm ô, khôi phục lại thanh tịnh, thì sẽ đắc được thông minh trí tuệ chân chính, mới là Thánh nhân chân chính thông minh có trí tuệ. Các vị đều là đệ tử của Phật, đều đã lìa khỏi tất cả nhiễm ô, khôi phục lại sự thanh tịnh vốn có, trở thành Thánh nhân thật có trí tuệ. Trí tuệ của người thông minh có trí tuệ và sự tu hành của Bồ Tát, tức là pháp môn Thập địa nầy.

3. Bồ tát tu hành trụ tại "thập địa"

Tự tính của mỗi người chúng ta vốn là thanh tịnh, vốn là gì cũng chẳng có. Vì mình quay lưng giác ngộ hợp với trần lao, nhiễm khổ làm vui, vì tăng thêm nhiều phiền não. Tuy nhiên tự tính không có một vật gì, không hình, không tướng, không người, không ta, không chúng sinh, không thọ mạng, nhưng cũng không thể nói không có, giống như hư không, không thể nói không có hư không. Trí tuệ của Thập địa nầy hay đắc được thanh tịnh giải thoát tự tại, thoát khỏi bốn đường ác. Bốn đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la. Nếu bạn minh bạch pháp môn Thập địa, thì sẽ minh bạch sinh tử, Niết Bàn là bình đẳng. Do đó, sinh tử tức Niết Bàn, phiền não tức bồ đề. Nếu không minh bạch pháp môn Thập địa nầy, thì sinh tử vẫn là sinh tử, Niết Bàn vẫn là Niết Bàn, cả hai chẳng có tơ hào quan hệ để nói cả. Trí huệ của pháp môn Thập địa, không thể phân làm giai đoạn ban đầu giữa cuối để nói. Bồ Tát phát tâm, được bồ đề, vĩnh viễn không thối chuyển, cũng không trước sau. Chẳng có lời lẽ để nói, cho nên Bồ Tát Kim Cang Tạng không muốn giải nói. Vì pháp môn nầy, vượt qua khỏi tất cả pháp ba đời, hình trạng thật của nó giống như hư không.

Pháp môn nầy là tướng tịch diệt, nhìn mà chẳng thấy, thính mà chẳng nghe, ngửi mà không mùi, đó là chỗ hành của Phật, vi diệu nhất. Nếu như tôi dùng ngôn ngữ để giải thích, thật không cách chi nói minh bạch được. Pháp môn tu hành nói ở trong Thập địa, cũng giống như ví dụ tôi đã nói ở trước, không dễ gì nói minh bạch được. Do đó, "Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt", chúng sinh cũng không dễ gì tin nhận, cũng không dễ gì tiếp thọ. Do trong trí tuệ sinh ra cảnh giới, là cảnh giới của Phật chứng. Như ý nghĩa "Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt" đã nói ở trên. Nên tức niệm lìa niệm, niệm mà không niệm, tức là chẳng niệm, lìa khỏi tất cả sự tưởng tượng ở trong tâm. Pháp môn nầy cũng chẳng phải từ tu năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mười tám giới, là gồm sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, hợp sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sinh ra sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mười hai xứ là nói tới sáu căn, sáu trần, có thể đắc được. Phải dùng trí tuệ mới hiểu rõ được, dùng ý niệm và tư tưởng không cách chi minh bạch được.

Nếu như có chúng sinh đã gieo trồng căn lành thâm sâu, lại tu hành pháp môn lục độ hạnh rộng lớn. Lại tu tập pháp môn trợ giúp họ thành đạo. Lại cúng dường tất cả chư Phật mười phương ba đời. Lại hiểu biết tu tập hết thảy pháp môn tối thượng. Lại nhiếp thọ chúng sinh, giáo hoá chúng sinh, làm đại thiện tri thức của chúng sinh. Lại biết hàng phục thân tâm, xa lìa trần cấu được thâm tâm thanh tịnh. Và còn lập chí khí rộng lớn vô biên, cứu độ chúng sinh không có tâm phân biệt. Phát đại nguyện không sợ gian nan. Sinh hiểu biết rộng lớn, đối với chính pháp của Phật sinh ra tâm tin rộng lớn vô lượng vô biên, và sức lý giải

vững chắc. Từ bi hiện tiền, người tu đạo đối với bất cứ người nào cũng phải có lòng từ bi. Vì cầu được trí tuệ giống như Phật, vì tu được mười lực của Phật, vì muốn có trí dũng vô sở uý lớn nhất, vì muốn đắc được pháp môn bình đẳng của Phật, vì cứu bạt hết thảy chúng sinh của thế giới. Vì tịnh đại từ bi, nghĩa là muốn đắc được tâm từ bi thanh tịnh lớn nhất, tức chính trí xuất thế gian. Vì được mười lực trí không thừa, vì muốn đắc được hết đại trí tuệ của Phật, vì trang nghiêm thanh tịnh hết thảy cõi nước chư Phật, chẳng có chút gì chướng ngại, vì muốn được một động niệm thì biết được tất cả nhân quả ba đời, vì luôn luôn chuyển đại pháp luân vô thượng, mà chẳng có chút tâm sợ sệt nào, vì đủ thứ duyên như vậy, nên phải nghe thọ pháp môn Thập địa nầy.

Khi Bồ Tát sinh khởi đủ thứ tâm niệm ở trên, thì dùng đại bi làm đầu: Vì tâm đại bi hay cứu khổ chúng sinh, khiến chúng sinh lìa khổ được vui, cho nên nói dùng đại bi làm đầu. Trí tuệ tăng thượng: Tu pháp Bồ Tát thì đắc được trí tuệ của Bồ Tát, tu nhiều hạnh Bồ Tát, thì trí tuệ sẽ tăng thượng. Khi nói pháp, thì sẽ có trí tuệ phương tiện khéo léo, sức biện tài vô ngại. Sở nhiếp trì là thâm tâm tối thượng vi diệu, sở trì là vô lượng sức oai thần của Phật. Lại có vô lượng trí tuệ khéo quán sát tất cả và khả năng phân biệt tất cả cảnh giới, rất dũng mãnh hướng về trước tinh tấn tu hành, bất luận cảnh giới gì hiện tiền, Ngài cũng đều có trí tuệ ứng phó không bị chướng ngại. Thường có một thứ trí lực rất tự nhiên, khiến Ngài lãnh thọ tất cả pháp môn của chư Phật nói. Dùng trí tuệ để giáo hoá tất cả chúng sinh, cảnh giới đó rộng lớn như pháp giới, khắp cùng tất cả mọi nơi. Rốt ráo triệt để như hư không không chướng ngại, có thể hết thuở kiếp vị lai. Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, khi bắt đầu phát tâm đại bi, thì lập tức vượt khỏi được địa vị phàm phu, nhập vào địa vị Bồ Tát. Sinh vào trong gia tộc của Như Lai, chẳng có ai có thể tìm ra lỗi lầm của Bồ Tát và quyến thuộc của Phật. Lìa cõi thế gian: Lìa khỏi bốn đường ác của thế gian: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la. Chứng được Thánh đạo vượt qua ba cõi, được tất cả pháp môn của Bồ Tát tu trì, trụ nơi thanh tịnh của Bồ Tát trụ, không xả bỏ thế gian, cũng có thể phương tiện không nhiễm, càng đắc được trí tuệ ba đời bình đẳng. Ở trong giống tính Như Lai: Trong giống tính thâm sâu của Phật, sẽ đắc được giác quả bồ đề cao thượng. Bồ Tát trụ pháp như vậy, tên gọi là trụ Bồ Tát Hoan Hỉ địa. Bồ Tát tu đến pháp môn nầy, tức là sơ địa trong Thập địa, gọi là Hoan Hỉ địa, vì Ngài đã chứng được sơ địa, sinh ra tâm đại hoan hỉ. Sự hoan hỉ đó, do định lực mà sinh ra, cho nên nói dùng tướng bất động và định tương ưng.

Bồ Tát trụ Hoan Hỉ địa, chứng được Hoan Hỉ địa rồi, thành tựu rất nhiều thứ được pháp lợi sinh hoan hỉ. Như nhiều tịnh tín, đối với Phật pháp tâm tin thanh tịnh, cũng sâu dày. Đối với Phật pháp càng sinh khởi vô lượng tâm ái lạc. Bất cứ lúc nào cũng đều cảm thấy thân tâm khoái lạc, rất an tường. Đến đâu cũng

chẳng cảm thấy có sự chướng ngại, dù gặp người khác chướng ngại, cũng chẳng sinh phiền não, nói chung cảm thấy mãn túc như pháp. Nhiều vui vẻ, luôn luôn vui vẻ mình nghe được Phật pháp mà tu hành Bồ Tát đạo. Nhiều mừng rỡ, nhiều dũng mãnh: Các ngài lúc nào cũng đều dũng mãnh tinh tấn, tơ hào không giải đãi. Giao tiếp với người cũng chưa từng phát sinh đấu tránh và tranh luận. Không làm phiền hại tất cả chúng sinh, khắp khuyên người khác phát tâm tu hành. Bồ Tát sơ địa chứng nhập Hoan Hỉ địa, đối với bất cứ ai, bất cứ việc gì, cũng không sinh khởi tâm không vui hoặc tâm sân hận.

Bồ Tát chứng đắc quả vị hoan hỉ địa rồi, tại sao hoan hỉ như thế? Vì các Ngài luôn luôn nghĩ nhớ đến tất cả các đức Phật, cho nên sinh tâm hoan hỉ. Không giống như phàm phu tục tử, mỗi ngày đều sống trong sự đố kị chướng ngại, chẳng có đạo tâm. Bồ Tát chuyên tâm nghĩ nhớ đến các đức Phật, nên không sinh tâm đố kị chướng ngại. Lại nghĩ nhớ đến tất cả Phật pháp của chư Phật nói, y pháp tu hành, cho nên cũng sinh tâm hoan hỉ. Nghĩ nhớ đến các Bồ Tát, chẳng những Ngài nghĩ nhớ đến chư Phật các pháp, mà còn luôn luôn nghĩ nhớ đến mười phương ba đời tất cả hiền Thánh Tăng và các đại Bồ Tát, cho nên sinh tâm hoan hỉ. Phàm là người tu đạo, đều phải thường sinh tâm nghĩ nhớ đến Tam Bảo. Lại thường nghĩ nhớ đến tất cả pháp môn thành Phật của Bồ Tát tu hành, vì hết thảy đại Bồ Tát đều là chư Phật vị lai, các Ngài siêng tu lục độ vạn hạnh, không quên độ chúng sinh, cho nên sinh đại hoan hỉ. Lại nghĩ nhớ đến thanh tịnh các Ba la mật tương lai đều có thể thành tựu viên mãn trí tuệ thanh tịnh và công đức thành Phật, đó cũng là gốc rễ của sự hoan hỉ. Lại nghĩ nhớ đến các địa vị của Bồ Tát, đặc biệt thù thắng, mà sinh đại hoan hỉ. Lại nghĩ nhớ đến Bồ Tát chứng được ba bất thối là: niệm bất thối, vị bất thối, hạnh bất thối. Càng không có thiên ma ngoại đạo nào có thể phá hoại được Ngài, nên sinh hoan hỉ. Lại luôn luôn nghĩ nhớ đến Như Lai giáo hoá chúng sinh, ôm lòng từ bi, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui, mà sinh đại hoan hỉ. Lại nghĩ nhớ đến chư Phật thường khiến cho chúng sinh nghe pháp được độ, chấm dứt sinh tử, đó là khiến cho các chúng sinh được đại lợi ích pháp môn tốt nhất. Các Bồ Tát có những nhân duyên thù thắng như vậy, có thể làm được rất nhiều việc lớn, cho nên sinh tâm đại hoan hỉ. Nghĩ nhớ đến nhập vào nhất thiết trí phương tiện của Như Lai, Bồ Tát chứng được Hoan Hỉ địa, Ngài cũng còn sự nghĩ nhớ, bất quá sự nghĩ nhớ của các Ngài là thanh tịnh. Về phần nghĩ nhớ của chúng sinh là nhiễm ô - tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, ngủ nhiều - cảnh giới năm dục. Sự nghĩ nhớ của Bồ Tát là: Phật, Pháp, Tăng và lục độ vạn hạnh, đủ thứ cảnh giới thanh tịnh. Vì các Ngài biết mình đã chứng nhập nhất thiết trí tuệ của Như Lai, đắc được đủ thứ phương tiện, cho nên sinh tâm đại hoan hỉ.

Tại sao Bồ Tát chẳng có những sự sợ hãi? Vì Ngài đã xa lìa tất cả những sự sợ hãi rùng mình, do sức lực gì khiến cho Ngài được xa lìa? Đó là do tu hành, chịu

phát tâm bồ đề, nguyện hành Bồ Tát đạo, do đó chứng được Hoan Hỉ địa của Bồ Tát, đạt đến cảnh giới lìa khỏi nghĩ tưởng về cái ta. Ngài chẳng còn cái ta, chẳng những chẳng còn cái ta, mà cho đến nghĩ tưởng về của ta cũng không còn nữa. Do đó, Ngài sớm đã đem thân nầy bố thí cho chúng sinh, vì chúng sinh mà làm việc, chẳng ích kỷ, chẳng lợi mình. Chẳng còn mến tiếc thân mình nữa, hà huống là của cải? Của cải – vàng bạc châu báu, đất nước vợ con, đều là vật ngoài thân, Ngài hoàn toàn nhìn thấu triệt, buông bỏ được, đắc được tự tại chân chính, cho nên chẳng sợ chết. Do vậy, cho nên Bồ Tát chẳng sợ mình không còn sống được nữa, cũng chẳng sợ không sống. Không muốn lợi ích cho chính mình, căn bản Ngài chẳng có sự mong cầu, vì rằng đạt đến vô cầu phẩm tự cao, đương nhiên cũng không lo, tại sao chúng ta sầu lo? Vì có sự tham cầu, có tham cầu thì có sầu lo. Bồ Tát không tham cầu danh văn lợi dưỡng, cũng không tham cầu năm dục – tài, sắc, danh, ăn, ngủ. Bồ Tát đối với những thứ nầy đều giải thoát, càng không tham sự cúng dường. Chỉ chuyên bố thí cho tất cả chúng sinh, vì Ngài chuyên nhất tu bố thí, bất luận cúng dường gì, Ngài đều đem cho hết thảy chúng sinh. Cho đến người khác nghị luận tốt xấu đối với Ngài, Ngài cũng đều không cứ tới, không tham cầu hư danh, cũng không sinh hoan hỉ và phiền não. Vì Bồ Tát đã có trí tuệ vượt qua cảnh giới tốt xấu, cho nên Ngài chẳng sợ tiếng xấu. Bồ Tát chẳng còn cái ta, thì tự nhiên cũng chẳng thấy có cái ta, nghĩ về ta. Chẳng còn cái ta, vậy có nghĩ tưởng đến ai chết, ai không chết chăng? Cho nên chẳng sợ chết.

Bồ Tát Ngài biết mình chết rồi thì cũng chẳng bị đoạ vào trong bốn đường ác, vì Ngài thường hành Bồ Tát đạo. Cũng chắc chắn không lìa khỏi chư Phật, nhất định cùng ở chung với tất cả Bồ Tát, cho nên chẳng sợ đường ác. Các vị Bồ Tát làm việc đều dùng tâm đại bi làm điểm xuất phát, vì bi hay cứu khổ, chí nguyện rộng lớn, Bồ Tát có chí nguyện rộng lớn - cứu độ chúng sinh, vô lượng khoái lạc. Không có bất cứ thiên ma ngoại đạo nào có thế phá hoại và nhiễu loạn được sự tu hành của Ngài, hoặc trở ngại Ngài hành Bồ Tát đạo. Cho nên Ngài càng thêm siêng tu, càng ngày càng tinh tấn, càng ngày càng dụng công, cho nên tất cả căn lành, hạt giống bồ đề, đều thành tựu viên mãn.

Sau khi Bồ Tát chứng được Hoan Hỉ địa rồi, không lúc nào không ở trong đại hoan hỉ. Vì Ngài siêng tu tất cả căn lành, nên sớm đã thành tựu tâm tin, càng ngày càng tăng thêm nhiều, không giảm bớt, đó là tin tăng thêm. Vì tâm tin tăng thêm, nên tâm niệm thanh tịnh cũng tăng thêm nhiều, chẳng giống như quá khứ chỉ có tâm tin, còn có chút nhiễm ô. Hiện tại tâm tin tăng thêm lại không có chút nhiễm ô nào, chỉ thuần thanh tịnh, trở về nguồn cội. Tại sao hay khiến cho tâm tin tăng thêm có cảnh giới thanh tịnh như vậy? Vì Bồ Tát Ngài biết như nay đã không còn chút hoài nghi nào nữa, tâm tin kiên cố quyết định. Tin mười phương Phật, tin pháp của mười phương chư Phật nói, tin tất cả hiền

Thánh Tăng mười phương, đều là pháp hữu của mình. Vì mình là một trong Tam Bảo, thì sẽ sinh ra tâm thương xót chúng sinh, độ tất cả chúng sinh, thành tựu tâm đại từ bi. Tâm bi, khiến cho chúng sinh lìa khổ; tâm từ thương chúng sinh, khiến cho chúng sinh được tất cả an lạc. Cầu Phật pháp ngày ngày tinh tấn tu hành, dũng mãnh hành đạo, cũng là càng ngày càng thù thắng hơn, không giảm bớt giải đãi. Hổ thẹn trang nghiêm: Thường sinh tâm hổ thẹn sám hối. Đem hết thảy công đức của mình để trang nghiêm cõi nước mười phương, thành tựu nhu hoà, tu nhẫn nhục Ba la mật, thành tựu sức nhẫn nhục, vì đối với bất cứ việc gì, đều có công phu nhẫn nại nghịch đến thuận thọ, quyết định không có tâm thắng phụ và thái độ cang cường với bất cứ ai. Cung kính chư Phật, thuận thọ lời dạy của chư Phật, tôn trọng phụng hành giáo pháp của chư Phật nói. Ngày đêm tu tập căn lành không nhàm đủ, ngày đêm sáu thời tinh tấn tu tập đủ thứ căn lành, không có tâm mệt mỏi đầy đủ. Bồ Tát biết gần gũi thiện tri thức, thì sẽ được nghe nhiều học rộng, đắc được lợi ích lớn, pháp hỉ sung mãn, thường ở trong niềm vui của pháp, siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si, chưa bao giờ tự mãn.

Chính pháp mà mình được nghe từ chỗ chư Phật, lúc nào cũng tư duy quán sát thật tướng các pháp. Trong tâm không có sự chấp trước nào, không chấp cái ta, không chấp pháp, không có chút nương tựa nào. Vì không đam trước lợi dưỡng, danh văn, cung kính, Bồ Tát tuyệt đối không mong cầu sự cúng dường, tham đồ danh văn, lợi dưỡng. Càng không mong cầu hưởng thụ vật chất, và tất cả vật phong phú ngoài thân thể. Sinh tâm như thật, Bồ Tát chỉ một lòng cầu tâm bồ đề, tâm kim cang, nên chẳng có lúc nào nhàm đủ. Cầu bậc nhất thiết trí, chỉ hy vọng cầu được quả vị nhất thiết trí tuệ và đạt được địa vị trí tuệ vô thượng. Cầu được bốn điều không sợ hãi của Như Lai, và cầu được mười tám Phật pháp bất cộng nơi nhị thừa, đủ thứ sự lợi ích như vậy.

Bồ Tát chứng được Hoan Hỉ địa, thành tựu đại thệ nguyện, đại dũng mãnh, tại nhân địa phát đại thệ nguyện, mà người khác không thể làm, Ngài hay dùng trí tuệ dũng mãnh khéo léo để đạt đến mục đích, khiến cho chúng sinh có lợi ích sinh đại tác dụng. Đối với Phật pháp vi diệu, hay sinh ra trí tuệ rộng lớn, thanh tịnh, có tính lý giải và thấu hiểu quyết định không có tơ hào nghi hoặc. Đem hết thảy tất cả đồ cúng dường tốt nhất của Ngài có, cung kính cúng dường hết thảy chư Phật, chẳng có vị Phật nào mà không cúng dường. Tâm thành và pháp môn cúng dường rộng lớn đó, rộng đến khắp cùng pháp giới, không có một nơi nào mà không đến, rốt ráo giống như hư không. Bồ Tát chẳng phải ngẫu nhiên như vậy, hết thuở vị lai thời gian vô tận, vĩnh viễn đều không ngừng. Bồ Tát lại phát nguyện lớn, nguyện tiếp thọ tất cả đại pháp luân mà đức Phật chuyển, tiếp tục thuyết pháp. Lại nguyện tiếp thọ tất cả giác đạo của Phật, thường thường tu tập. Lại nguyện đối với giáo pháp của chư Phật nói, thảy đều hộ trì. Lại nguyện

thọ trì pháp môn của chư Phật nói. Bồ Tát phát nguyện lớn đó, rộng lớn đầy khắp pháp giới, rốt ráo giống như hư không. Về thời gian hết thuở vị lai vô cùng vô tận số kiếp, Ngài đều không ngừng nghỉ. Bồ Tát lại phát nguyện lớn, hy vọng hết thảy thế giới, đều có Phật xuất hiện ra đời, nơi nơi Phật pháp hưng long. Đức Phật từ cung trời Đâu Suất hàng sinh xuống nhân gian - từ lúc nhập thai mẹ, trụ thai mẹ, sinh ra, xuất gia tu hành, thành đạo rồi, thuyết pháp, vào Niết Bàn, thị hiện quá trình tám tướng thành đạo nầy. Ngài đều đi đến gần gũi, thừa sự cúng dường làm thượng thủ chúng sinh trong pháp hội, thọ hành chính pháp, ở khắp mọi nơi đồng một thời gian chuyển bánh xe pháp. Rộng lớn đến khắp cùng pháp giới rốt ráo như hư không, tận cùng vô lượng kiếp số đều không ngừng nghỉ.

Bồ Tát lại phát nguyện lớn, nguyện tất cả hạnh của Bồ Tát tu, đều rộng lớn không thể nào lường được, bao quát tất cả, không bị thiên ma ngoại đạo phá hoại, cũng chẳng có nhân tố thiện ác xen tạp vào bên trong, đều nhiếp trì các Ba la mật với nhau, đem những công đức đó, trợ giúp tu hành pháp Thập địa thanh tịnh. Tất cả sự vật thành nhân, như tổng tướng, biệt tướng, đồng tướng, dị tướng, thành tướng, hoại tướng, đạo lý chân thật như vậy, với tất cả hạnh của Bồ Tát tu, đều giải nói cho chúng sinh, giáo hoá hết thảy chúng sinh, khiến cho họ tiếp thọ và lãnh ngộ được, tu hành chân thật, khiến cho tâm bồ đề thanh tịnh nhờ đó mà tăng trưởng. Tâm nguyện đó cũng rộng lớn đến khắp cùng pháp giới, rốt ráo giống như hư không, hết thuở vị lai kiếp số vô tận, cũng không ngừng nghỉ. Bồ Tát lại phát nguyện lớn: Nguyện tất cả cõi chúng sinh, như chúng sinh có sắc, như chúng sinh không có sắc, chúng sinh có tưởng, chúng sinh không tưởng, chúng sinh chẳng có tưởng, chúng sinh chẳng không tưởng, sinh bằng trứng, bằng thai, ẩm thấp, hoá sinh, đủ các loài chúng sinh khác nhau như vậy, phàm là thuộc về ba cõi, trong sáu nẻo luân hồi, nơi sinh các loài, cùng với sự nhiếp thọ danh sắc các loài chúng sinh đó, đều được giáo hoá, khiến cho họ thâm nhập Phật pháp, y giáo phụng hành, vĩnh viễn vượt khỏi sáu nẻo luân hồi, khiến cho họ an trụ trong thánh đạo trí tuệ nhất thiết trí. Tâm nguyện đó, cũng rộng lớn đến khắp cùng pháp giới, rốt ráo giống như hư không, hết thuở vị lai tất cả kiếp thời gian, Bồ tát cũng không ngừng nghỉ.

Bồ Tát lại phát nguyện lớn, nguyện mỗi thế giới, bất luận là ngửa, úp, dài, vuông, đều rộng lớn như vậy, bất luận có bao nhiêu; trong đó có thô, có tế, có loạn trụ, chẳng có thứ tự; lại có đảo trụ, điên đảo; có chính trụ, ngay thẳng rất có quy cụ; có người, thường thường có hành động; có rất nhiều biến hoá, thảy đều khác nhau, giống như lưới La tràng trên cung điện của trời Đế Thích thảy đều khác nhau. Hình trạng đủ thứ sự khác biệt trong mười phương, nhưng trí tuệ của Bồ Tát đều thấu rõ, minh bạch giống như hiện ra ở trước mắt. Trí tuệ nguyện vọng đó, cũng rộng lớn khắp cùng pháp giới, rốt ráo giống như hư không, hết thuở vị lai tất cả kiếp số, vĩnh viễn không ngừng nghỉ.

Bồ Tát lại phát nguyện lớn, hy vọng thừa pháp luân không thối chuyển, tu pháp môn của Bồ Tát tu hành. Thân miệng ý ba nghiệp đều thanh tịnh, không tạo nghiệp ác, chẳng có tội lỗi. Giả như có người tạm thời thấy được Bồ Tát, thì nhất định sẽ trồng xuống căn lành, minh bạch Phật pháp. Tạm thời nghe được âm thanh của Bồ Tát, thì sẽ đắc được trí tuệ chân thật giống như bảo bối. Nếu tâm tin thanh tịnh của họ vừa mới phát sinh, thì có thể vĩnh viễn dứt trừ phiền não, đắc được thụ thân giống như Đại Dược Vương, hay trị bệnh chúng sinh, lại có thể đắc được thân thể giống như báu như ý, tu tất cả hạnh của Bồ Tát tu hành. Tâm nguyện đó cũng rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, hết kiếp thuở vị lai cũng không ngừng nghỉ. Bồ Tát lại phát nguyện lớn: Hy vọng chúng sinh toàn thế giới, đồng thời đều chứng được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Không lìa khỏi một đầu sợi lông, và tất cả nơi đầu sợi lông, đều có thể thị hiện từ cung trời Đâu Suất hàng sinh xuống nhân gian, xuất gia, học đạo, đến các đạo tràng, ở dưới cội bồ đề thành Đẳng Chính Giác, chuyển bánh xe pháp, thuyết pháp độ chúng sinh, cuối cùng vào Niết Bàn. Khắp trong pháp giới, nơi mỗi đầu sợi lông rất nhỏ, đều ở trong đó thị hiện tám tướng thành đạo. Đắc được cảnh giới như đức Phật, như lực đại trí tuệ của Phật. Ở trong mỗi niệm, tuỳ theo tâm niệm chúng sinh, thị hiện thành Phật, khiến cho tất cả chúng sinh, cũng đắc được vui tịch diệt.

Dùng một thứ chính giác, thì biết tất cả pháp giới, giống như một tướng đại Niết Bàn. Dùng một thứ âm thanh thuyết pháp, khiến cho hết thảy chúng sinh đều sinh tâm hoan hỉ. Tuy thị hiện vào đại Niết Bàn, nhưng vẫn không dứt hành Bồ Tát đạo trên thế giới nầy. Thị hiện bậc đại trí tuệ, bậc đại trí tuệ tức là Phật trí, vì hay sinh vạn vật, hay lãnh vạn hạnh, cho nên hay an lập tất cả. Khiến cho chúng sinh biết tất cả nương vào đại trí tuệ mà an lập. Dùng ý nghĩa pháp trí thông, biết rõ tướng pháp không tính mà sinh trí tuệ thần thông. Thần túc thông là nơi thân mình hiển hiện kiếp sinh, trụ, diệt, dài ngắn, tuỳ tâm tự tại. Huyễn thông là chuyển biến việc bên ngoài, đâu chẳng tuỳ theo ý muốn của tâm. Vận dụng tự tại, biến hoá vô cùng đầy khắp hết thảy pháp giới. Tâm nguyện đó cũng rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, hết thuở vị lai tất cả kiếp số cũng không ngừng nghỉ.

4. Bồ tát đắc được 10 thứ tâm tin

Bồ Tát phát ra những nguyện lớn ở trên rồi, thì đắc được mười tâm tin: Tâm lợi ích, trước khi Bồ Tát chưa phát nguyện lớn, muốn lợi ích chúng sinh, không phát tâm, muốn làm cũng làm không được, vì chẳng có sức lực. Sau khi phát những nguyện lớn đó rồi, trong vô hình Ngài tăng thêm sức lực trợ giúp chúng sinh. Tâm nhu nhuyến, vì có sức lực tâm nguyện, biến tâm cang cường quá khứ

thành tâm nhu nhuyến, đối với chúng sinh cũng nhẫn nại được, cũng hoà khí, giáo hoá chúng sinh thì tự nhiên thân tâm điều phục mà không sinh phiền não. Tâm tuỳ thuận, người chưa phát tâm bồ đề, người không hành Bồ Tát đạo, đều ưa thích sai khiến người khác, muốn người khác phải nghe mình chỉ huy.

Nhưng sau khi phát nguyện lớn rồi, thì biết phải tuỳ thuận chúng sinh, sau đó mới khiến cho chúng sinh tuỳ thuận. Không còn thành kiến về cái ta, thì chẳng còn chấp cái ta nữa. Tâm tịch tĩnh, luôn luôn tâm bình khí hoà, chẳng có phiền não, không màng chỗ ồn ào, yên lặng, đều dụng công tu hành được, không bị ảnh hưởng hoàn cảnh bên ngoài. Tâm điều phục, tại thế giới Ta Bà nầy, tất cả mọi người, mọi sự vật, đều khó điều phục, ở trong hoàn cảnh nầy, đừng nói đến điều phục chúng sinh, cho đến chính mình cũng khó điều phục. Sau khi Bồ Tát phát nguyện lớn rồi, thì tự nhiên điều phục được thân tâm, cũng khéo léo điều phục chúng sinh.

Tâm tịch diệt, các pháp từ xưa đến nay, thường vắng lặng. Nếu tâm mình không biết vắng lặng, thì làm sao vật bên ngoài vắng lặng được. Sau khi Bồ Tát phát nguyện lớn rồi, biết rõ các pháp vắng lặng. Tâm khiêm hạ, trước khi chưa phát nguyện lớn, thì thường dễ phạm mao bệnh cống cao ngã mạn, sinh ra nhiều phiền não vô vị. Phát nguyện lớn đó rồi, thì những tập khí không tốt đó tự nhiên tiêu trừ, từ cống cao ngã mạn biến thành khiêm hoà. Tâm nhuận trạch, vì có sức lực tâm nguyện lớn rồi, trong tâm thường cảm thấy thư thái như thấm nhuần cam lồ, chẳng còn cảm giác phiền muộn khô khan. Tâm bất động, niệm động trăm sự có, niệm dừng vạn sự không. Không sinh tạp niệm thì chẳng còn vọng tưởng phiền não, tâm niệm thanh tịnh, thì trí tuệ tự nhiên sinh ra trợ giúp vạn hạnh. Tâm không trược, vì có nguyện lớn như vậy, tâm niệm thanh tịnh, thì còn có tâm trược, tâm ô nhiễm chăng? Có những tâm tin nguyện lực ở trên, thì thành tựu một bậc đức hạnh có tâm tin thanh tịnh. Công dụng tâm tin đó, khiến cho nhập vào được hạnh bổn lai của Phật tu hành, do tin mà thành tựu mười Ba la mật, do tin vào được địa vi Thập địa thù thắng, do tin mà thành tựu sức thần thông, do tâm tin cũng đầy đủ tất cả sức không sợ hãi, trong Kinh nói niềm tin là mẹ nguồn gốc của công đức, nuôi lớn tất cả các pháp lành, tin hay sinh trưởng Phật pháp mà ngoại đạo không thể phá hoại được. Tin không thể dùng lời nói hình dung, không thể tưởng tượng được chân lý của Phật nói. Tin cảnh giới Phật nói ra, không rơi vào hai bên, vì cảnh giới của Phật, mọi thời mọi lúc, nơi nào chốn nào cũng không chấp vào không, không rơi vào không; không chấp vào có, không rơi vào có.

Đức Phật đề xướng trung đạo, hay tin thì tuỳ thuận nhập vào cảnh giới không hạn lượng của Phật, tin hay thành tựu tất cả quả vị. Tóm lại, đưa ra một điểm quan trọng là, tin tất cả pháp môn và nhân quả của Bồ Tát tu hành, cho đến đạt

được bậc trí tuệ của Như Lai, đó đều là do sức tin sinh ra.

Chính pháp nhãn tạng của chư Phật là thâm sâu như vậy, sâu giống như biển cả không thấy được đáy. Tịch tĩnh như vậy, bổn thể của pháp là tịch tĩnh, chẳng bị bất cứ cảnh giới bên ngoài nào lay động, mà còn vắng lặng, chẳng có hình tướng có thể thấy. Cũng giống như hư không, vô lượng vô biên, chẳng có tướng trạng nhất định. Cũng chẳng có nguyện gì, tất cả đều không. Cũng không có bất cứ ô nhiễm và chỗ chấp, pháp thể hạn lượng như vậy, rộng lớn không có bờ mé. Rõ ràng một số phàm phu sa vào tư tưởng tà tri tà kiến, làm việc điên đảo, không biết tu hành. Vô minh giống như mây đen trong hư không, che lấp ánh sáng mặt trời. Tự mình dựng lên tràng cao kiêu mạn, vào sâu trong lưới khát ái, đi vào trong rừng rậm siểm nịnh dua dối, không biết cách nào thoát ra được. Tâm tính ràng buộc với xan tham đố kị không buông bỏ được, vĩnh viễn tự tạo nhân duyên thọ sinh ở trong bốn đường ác. Vì vô minh, nên sinh ra tư tưởng tham vọng, sân hận, ngu si, làm ra đủ thứ nghiệp quả, ngày tháng tích luỹ tăng trưởng không ngừng. Sinh khởi gió tà phẫn hận, thổi động tâm tức lửa tà, thiêu đốt không ngừng. Phàm làm gì cũng đều điên đảo không hợp pháp lý, tuỳ thuận tham dục. Ở trong ba cõi thuận theo dòng hữu lậu, theo vô minh, chạy theo kiến hoặc. Những hạt giống đó ở trong tâm ý thức sinh khởi liên tục không ngừng. Đất nghiệp ba cõi lại sinh ra mầm thống khổ.

Đó là mười hai nhân duyên mà đức Phật đã nói, thứ nhất là vô minh. Do vô minh điên đảo mà sinh ra hành, tức là hành vi ái dục. Có hành vi rồi, thì sinh ra hạt giống ý thức. Do hạt giống ý thức gieo xuống ruộng ba cõi, bèn sinh ra mầm khổ. Mầm khổ đó tức là danh sắc, danh sắc ví như nam, nữ, do danh sắc mà sinh ra sáu nơi tụ lạc, sáu nơi tụ lạc là chỉ sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Còn gọi là lục nhập, lục nhập vào trong sáu căn. Sáu căn, sáu trần cùng tiếp xúc nhau sinh ra sáu thức, nên còn gọi là lục xứ. Tụ lạc tức là lục nhập cùng lớn lên trong thai mẹ. Do đó sinh ra xúc trần. Do xúc trần lại sinh ra lãnh thọ. Do lãnh thọ mà sinh ra ái dục. Do ái dục tăng trưởng, lại sinh ra thủ. Do thủ sinh ra hữu. Do hữu sinh ra sinh. Do sinh nên có sinh, già, bệnh, chết, ưu bi khổ não theo đó mà ra. Chúng sinh giống như vậy, sinh trưởng thành tụ lạc của khổ. Tuy nhiên thuyết pháp như vậy, nếu minh bạch được đạo lý nầy, thì tất cả đều không, cuối cùng trở về huyễn diệt, mà lìa khỏi cái ta và của ta, thì vô tri vô giác. Bổn thân của mười hai nhân duyên, tức là vô tri vô giác. Không có kẻ làm, cũng không có kẻ thọ, giống như cỏ cây đá vách, hiểu được đạo lý nầy tất cả như hình bóng.

Song, chúng sinh ở giữa, họ cũng không giác không ngộ, không biết vốn là không. Bồ Tát nhìn thấy chúng sinh sinh diệt ở trong mười hai nhân duyên, do ái dục ràng buộc, thọ khổ không thể thoát khỏi. Do đó, mà sinh khởi tâm đại bi trí tuệ, lại nghĩ như vầy: tất cả chúng sinh, tôi phải cứu họ, đặt để họ ở nơi an vui

khoái lạc không có khổ, cho nên sinh ra tâm đại từ mà phát ra trí tuệ quang minh.

Bồ Tát hoan hỉ địa phát đại tâm nguyện, đại từ, đại bi, đại bố thí, là vì cứu độ tất cả chúng sinh, khiến cho được lìa khổ, ái hộ tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh được an vui. Do đó, Ngài lại cầu thêm một bước nữa, làm thế nào tại thế gian lợi ích chúng sinh, lại làm thế nào lợi ích chúng sinh xuất thế gian. Luôn luôn tu hạnh Bồ Tát nầy, chưa từng sinh tâm nhàm mỏi, như vậy lâu dần sẽ thành tựu tâm rất tự nhiên chẳng có sự nhàm mỏi. Đắc được tâm không nhàm mỏi rồi, thì gieo xuống sức tinh tấn không giải đãi, đối với tất cả Kinh điển luận thuyết đại thừa, càng không có tâm sợ hãi khiếp nhược làm chướng ngại, cũng chẳng sợ Phật pháp như biển cả, không dám đi nhiếp thọ.

Phàm là Kinh điển của Phật nói, một khi thấy thì mắt sẽ tỏ rõ, chiếu thấu thật tướng các pháp, vào sâu tạng Kinh, trí tuệ như biển, thành tựu trí tuệ nghiên cứu tất cả Kinh luận. Bồ Tát đắc được trí tuệ vào sâu tạng Kinh, trí tuệ như biển rồi, đối với tất cả sự lý, kế hoạch đều rất tỉ mỉ, nghĩ việc gì đáng làm, việc gì không đáng làm, đều phân biệt nhận thức được rõ ràng. Gặp chúng sinh thượng căn thượng trí, chúng sinh trung căn trung trí, hạ căn ngu si, Ngài đều tuỳ theo sức của mình, hiểu rõ ưa thích chán ghét tập tính của chúng sinh, nên dùng phương pháp và thân phận gì mới có thể độ được họ, đều tuỳ thuận giáo hoá chúng sinh. Vì Bồ Tát đã thành tựu trí tuệ thế gian pháp. Bồ Tát thành tựu trí tuệ thế gian rồi, có lực quyết định "biết thời biết lượng", biết rõ cơ duyên của tất cả chúng sinh đã thành thục chưa, những chúng sinh đó đáng được độ trước, nên dùng pháp gì, những chúng sinh cơ duyên chưa thành thục, thì chưa nên độ. Tuỳ thời Ngài đều cảnh sách chính mình, phát tâm hổ thẹn, dùng "sự hổ thẹn" để "trang nghiêm" chính mình, tu phước tu tuệ, tích tụ phước đức. Tinh tấn siêng tu tất cả đạo lý thánh giáo lợi mình và lợi người.

Do đó mà thành tựu hạnh tàm quý, tự trang nghiêm công đức. Trong sự tu hành hạnh môn đó, tinh tấn tu tập pháp môn thoát khỏi ba cõi, thì sẽ không thối chuyển nơi Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, thành tựu sự tu hành kiên cố thắng tấn không thối lùi. Đắc được "sức kiên cố" đó rồi, thì ân cần cúng dường tất cả chư Phật, đối với tất cả giáo pháp của Phật nói, Ngài đều theo lời nói mà tu hành.

Vị Bồ Tát chứng được Hoan Hỉ địa, vì rộng tu cúng dường chư Phật, nên đắc được công đức, thành tựu bốn pháp nhiếp rộng độ chúng sinh. Hai phương pháp ở trước nhiếp lấy chúng sinh, tức là "bố thí, ái ngữ". Bồ Tát rộng tu bố thí, bố thí tất cả nội tài ngoại bảo. Ái ngữ, tức là dùng tâm từ bi ái hộ chúng sinh, đối với họ nói những lời họ thích nghe. Chẳng có tâm thích ghét, khéo dùng phương

pháp khéo léo, phát tâm bồ đề bình đẳng rộng độ chúng sinh. Còn hai phương pháp kia, tức là “lợi hành, đồng sự”, “lợi hành” là dùng thiện hạnh có lợi cho chúng sinh, như thân, miệng, ý, biểu hiện phương diện hành vi có lợi cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh nhờ đó mà sinh tâm gần gũi, mà thọ sự giáo hoá. “Đồng sự” tức là Bồ Tát dùng pháp nhẫn quán sát căn tính chúng sinh, tuỳ theo sự cần thiết mà thị hiện thân hình, khiến cho chúng sinh thọ được đồng hoá mà độ thoát. Bồ Tát dùng sức tin hiểu của Ngài mà hành, còn có chỗ tu hành chưa hoàn toàn thông đạt. Trong mười pháp môn Ba la mật, Bồ Tát Sơ địa tu bố thí Ba la mật tăng thượng nhất.

Mười Ba la mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, phương tiện, nguyện, lực, trí, còn chín Ba la mật kia, cũng tu hành, nhưng chỉ tuỳ sức của mình và nhân duyên mà hành. “Bồ Tát nầy” là chỉ vị Bồ Tát Sơ địa, Ngài một phương diện tu hành, đồng thời cũng ân cần cúng dường chư Phật, và giáo hoá chúng sinh, Ngài đều y cứ theo sự tu pháp môn thanh tịnh Thập địa. Căn lành công đức tích tụ, hoàn toàn hồi hướng về quả vị nhất thiết trí tuệ. Dần dần sáng tịnh ngày càng tu hành tiến bộ từng bước từng bước. Thân tâm tự tại, trong ngoài điều nhu, tuỳ tâm ý của mình mà vận dụng Phật pháp, giáo hoá chúng sinh.

Trụ tại Thập địa - Bồ Tát hoan hỉ địa, lại quán tưởng như vầy: "Thượng thủ", tôi phải ở trong chúng sinh làm người lãnh đạo họ. "Làm thắng", tôi phải có trí tuệ hơn người. "Làm thù thắng" có tài năng đặc biệt hơn người. "Làm diệu", có biện tài vô ngại. "Làm vi diệu" phải khéo dùng lời lẽ vi diệu, khiến cho chúng sinh lìa tất cả thống khổ mà được tự tại. "Làm thượng" phải tu tập phước đức toàn mỹ. "Làm vô thượng" chẳng có ai toàn mỹ hơn tôi. "Làm đạo sư" tôi phải vì chúng sinh phân biệt pháp nghĩa. "Làm tướng" khiến cho chúng sinh đắc được chứng nghĩa, diệt trừ tất cả phiền não. "Làm soái" khiến cho chúng sinh tiến vào chính tri chính kiến trong trung đạo, làm cho hết thảy chúng sinh dùng tôi làm người y chỉ trí tuệ cho họ. Khi vị Bồ Tát nầy nghĩ muốn xuất gia, trong thời kỳ học tập Phật pháp, đặc biệt dũng mãnh tinh tấn, xả bỏ gia nghiệp thế tục: Vợ, con, và tài, sắc, danh, ăn, ngủ năm dục. Nương vào lời dạy của Phật, xuất gia học đạo là thoát khỏi nhà phiền não, nhà ba cõi, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, phải thoát khỏi nhà ba cõi nầy, mới gọi là chân chính xuất gia, mới có thể tu đạo.

Bồ Tát phát tâm bồ đề, xả bỏ nhà sinh tử phiền não thế tục mà xuất gia, đó là vì cầu vô thượng chính đạo, lúc đó Ngài siêng cần không giải đãi, dũng mãnh tinh tấn tu hành. Ở trong khoảng một niệm, thì có thể đắc được trăm ngàn tam muội, tức là trăm ngàn thứ trí tuệ chính định chính thọ. Đắc được nhiều tam muội như vậy, cũng thấy được trăm ngàn vị Phật trong mười phương thế giới. Thấy được Phật rồi, cũng biết được sức thần thông của những vị Phật đó, có thể

dùng thần thông khiến cho thế giới của Phật trong mười phương sáu thứ chấn động. Sức thần thông của Ngài có thể vượt qua trăm thế giới của Phật trong mười phương, quang minh của Ngài cũng chiếu sáng trăm thế giới của Phật. Cũng ở trong một niệm, giáo hoá nhiều chúng sinh trong trăm thế giới của Phật.

Thọ mạng của Ngài có thể sống lâu đến một trăm kiếp, biết được tất cả sự việc trước sau hàng trăm kiếp. Vào sâu được hết thảy trăm pháp môn. Thị hiện được rất nhiều hoá thân, mà mỗi hoá thân, lại có thể hiện hoá ra trăm Bồ Tát, để làm quyến thuộc cho Ngài. Nếu như dùng công đức và nguyện lực đặc biệt của Bồ Tát, thì Ngài càng thị hiện biến hoá tự tại, vượt qua trăm kiếp, thậm chí ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, trăm ngàn ức Na do tha kiếp, không thể dùng sự tính toán mà biết được. Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng muốn thuật lại nghĩa lý ở trên vừa nói, bèn dùng kệ để nói. Bồ Tát tu tập hạnh môn, và tích tập đủ thứ căn lành. Vì căn lành công đức đầy đủ rồi, thì trừ khử sạch tất cả mọi nhiễm ô, tức là pháp thanh tịnh không có sự nhiễm ô. Ngài cúng dường vô lượng số các vị Phật, lại thường dùng từ bi hỉ xả bốn tâm vô lượng để giáo hoá chúng sinh. Tâm tin và năng lực hiểu biết của Ngài, đều rộng lớn phi thường, chí nguyện và sự ưa thích làm, cũng đều thanh tịnh. Vì cầu được trí tuệ giống như Phật, mà phát đủ thứ đạo tâm bồ đề vô thượng. Thanh tịnh hết thảy sức trí tuệ, và dùng tinh thần đại vô sở uý, thành tựu đủ thứ pháp môn của chư Phật nói, cứu độ nhiếp thọ những chúng sinh khổ nạn. Vì đắc được tâm đại từ bi, và chuyển tất cả bánh xe pháp thù thắng, tức là rộng diễn nói đại thừa chính pháp đối với chúng sinh, dùng tâm đại từ bi cứu nhiếp chúng sinh, và diễn nói công đức Phật pháp đại thừa, để trang nghiêm thanh tịnh cõi nước của Phật.

Vì mục đích nầy mà Bồ Tát phát tâm bồ đề tối thù thắng, đắc hoan hỉ địa.

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 15.

Tác giả: Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.